

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/DS-ST

Ngày: 04/8/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Trung Thành**

2. Ông **Nguyễn Phước Tường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Nay là: Ấp H, xã C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 461C tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Nay là: 461C tổ 23, khu 4, xã C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Nay là: Ấp H, xã C, tỉnh Đ.

(Ông N, bà M; bà N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Đại diện uỷ quyền nguyên đơn ông Bùi Quang N trình bày:* Do quen biết bà Nguyễn Thị M có cho bà Nguyễn Thị N vay tiền cụ thể như sau vào ngày 10/3/2022 ÂL vay 100.000.000đồng (bà N viết biên nhận và ký tên) và ngày 19/9/2022 vay 10.000.000đồng (biên nhận do con rể bà M viết và bà N ký tên) thời hạn trả vào cuối năm 2023. Tổng cộng 02 lần vay là 110.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Từ khi vay đến nay bà N không có trả lãi cũng như

vốn vay, bà M cũng có gặp bị đơn nhiều lần để bị đơn trả tiền nhưng cứ hứa hẹn không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 110.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng làm tròn là 19 tháng.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị M nhiều lần bắt đầu từ năm 2019. Theo nguyên đơn khởi kiện bà 02 biên nhận thì biên nhận 10.000.000đồng ngày 19/9/2022 bà có ký tên, còn biên nhận 100.000.000đồng bà không có viết cũng như không có ký tên. Bà thừa nhận còn nợ bà M 41.000.000đồng vào năm 2020 sau đó bà có trả nhiều lần được 21.000.000đồng còn nợ bà M là 20.000.000đồng. Các lần trả tiền đều không có làm biên nhận. Nay bà đồng ý trả cho bà M số tiền còn nợ là 20.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp phát sinh giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà N thừa nhận biên nhận nợ ngày 19/9/2022 vay 10.000.000đồng bà có ký tên nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với biên nhận ngày 10/3/2022 ÂL vay 100.000.000đồng bà N không thừa nhận và cho rằng không có ký tên, tuy nhiên ngoài lời trình bày trên thì bà cũng không có cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra, Tòa án cũng có thông báo cho bà N thời gian để cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nhưng bà vẫn không thực hiện xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích của mình. Việc bà N cho rằng không có ký tên vào biên nhận nợ ngày 10/3/2022 ÂL và cho rằng chỉ nợ bà M số tiền 41.000.000đồng và trả nhiều lần hiện còn nợ 20.000.000đồng cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc bà N trả cho bà M số tiền vay 110.000.000đồng là có cơ sở. Đối với yêu cầu tính lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2024 là phù hợp Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi bị đơn phải trả là: $110.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 19 = 17.347.000\text{đồng}$. Tổng cộng bà N phải trả cho bà M số tiền là 127.347.000đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 127.347.000đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 6.367.000đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà Nguyễn Thị M 3.470.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016549 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè. (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp)

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tân